TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN

được công nhận kết quả học tập và cấp Chứng chỉ hoàn thành chương trình Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS hạng II đợt 2-năm 2018

(*Ban hành kèm theo Quyết định số 1402/QĐ-ĐHHĐ ngày 29/8/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức*)

TT	Số CC	Họ và tên		Ngày sinh	Giới	Đơn vị công tác		Kết quả điểm			Kết quả bồi dưỡng
								Kiến thức chung	Kiến thức ngành	Thu hoạch	
1	383	Trương Thị Ngọc	Bích	13/09/1980		Trường THCS Quảng Nham	Quảng Xương	6.5	7.0	8.0	*Đạt*
2	384	Nguyễn Thanh	Bình	12/09/1977	Nam	Trường THCS Quảng Bình	Quảng Xương	7.5	7.0	7.5	*Đạt*
3	385	Nguyễn Thị	Bình	20/06/1977		Trường THCS Quảng Nhân	Quảng Xương	8.0	8.0	8.0	*Đạt*
4	386	Hoàng Thị	Châm	09/11/1978		Trường THCS Quảng Lợi	Quảng Xương	7.5	8.0	8.0	*Đạt*
5	387	Nguyễn Thị	Cúc	02/05/1979		Trường THCS Quảng Phúc	Quảng Xương	8.0	7.0	8.5	*Đạt*
6	388	Nguyễn Xuân	Cường	05/05/1976	Nam	Trường THCS Quảng Lưu	Quảng Xương	7.0	7.0	8.0	*Đạt*
7	389	Trần Thị	Điệp	11/09/1976		Trường THCS Quảng Lưu	Quảng Xương	8.0	8.0	9.0	*Đạt*
8	390	Trần Minh	Đức	27/02/1980	Nam	Trường THCS Nguyễn Du	Quảng Xương	8.5	7.0	8.0	*Đạt*
9	391	Lê Thị	Dung	29/12/1979		Trường THCS Quảng Đức	Quảng Xương	8.0	7.0	8.0	*Đạt*
10	392	Trịnh Xuân	Dương	18/05/1974	Nam	Trường THCS Quảng Thạch	Quảng Xương	7.5	7.0	7.5	*Đạt*
11	393	Trần Trọng	Dương	03/11/1980	Nam	Trường THCS Quảng Thái	Quảng Xương	8.0	7.0	8.0	*Đạt*
12	394	Dương Thị	Hà	26/04/1978		Trường THCS Quảng Chính	Quảng Xương	7.5	7.0	8.5	*Đạt*
13	395	Lê Thị Thu	Hà	30/08/1980		Trường THCS Quảng Đức	Quảng Xương	8.0	7.0	8.0	*Đạt*
14	396	Lê Thị Thu	Hằng	18/12/1975		Trường THCS Quảng Long	Quảng Xương	7.0	7.0	8.0	*Đạt*
15	397	Nguyễn Thị	Hạnh	09/01/1980		Trường THCS Quảng Nham	Quảng Xương	7.5	7.0	7.5	*Đạt*
16	398	Nguyễn Thị	Hảo	07/02/1972		Trường THCS Quảng Bình	Quảng Xương	7.0	7.0	8.5	*Đạt*
17	399	Vũ Thị	Hiền	19/04/1979		Trường THCS Quảng Lĩnh	Quảng Xương	7.0	7.0	8.0	*Đạt*
18	400	Lê Thị Thu	Hiền	08/11/1979		Trường THCS Quảng Lĩnh	Quảng Xương	7.5	7.0	8.0	*Đạt*
19	401	Nguyễn Thị	Hiền	06/11/1979		Trường THCS Quảng Hợp	Quảng Xương	8.0	8.0	8.0	*Đạt*
20	402	Lê Thị	Hiền	05/08/1977		Trường THCS Quảng Yên	Quảng Xương	7.5	7.0	8.0	*Đạt*
21	403	Lê Thị	Hoa	01/10/1978		Trường THCS Quảng Nham	Quảng Xương	8.0	7.0	8.0	*Đạt*

TT	Số CC	Họ và tên		Ngày sinh	Giới	Đơn vị công tác		Kết quả điểm			Kết quả bồi dưỡng
								Kiến thức chung	Kiến thức ngành	Thu hoạch	
22	404	Nguyễn Thị	Hoàn	05/09/1979		Trường THCS Quảng Hợp	Quảng Xương	8.5	7.0	7.5	*Đạt*
23	405	Trần Thị	Hồng	26/05/1980		Trường THCS Quảng Đức	Quảng Xương	8.5	7.0	8.0	*Đạt*
24	406	Phạm Ngọc	Huấn	09/10/1979	Nam	Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc	Quảng Xương	7.0	7.0	8.0	*Đạt*
25	407	Phạm Thị	Huệ	18/06/1976		Trường THCS Quảng Lĩnh	Quảng Xương	8.0	7.0	7.5	*Đạt*
26	408	Lê Thị	Huệ	14/03/1978		Trường THCS Quảng Giao	Quảng Xương	8.0	7.0	8.0	*Đạt*
27	409	Hoàng Thị	Huệ	14/08/1977		Trường THCS Quảng Hải	Quảng Xương	7.5	7.0	8.0	*Đạt*
28	410	Trần Mạnh	Hùng	04/11/1978	Nam	Trường THCS Quảng Hải	Quảng Xương	7.0	6.0	7.5	*Đạt*
29	411	Nguyễn Viết	Hùng	10/05/1980	Nam	Trường THCS Quảng Nham	Quảng Xương	6.5	7.0	7.5	*Đạt*
30	412	Lê Thị	Hưng	04/10/1976		Trường THCS Lưu Vệ	Quảng Xương	8.0	7.0	8.0	*Đạt*
31	413	Hoàng Thị	Hương	07/09/1980		Trường THCS Quảng Lợi	Quảng Xương	8.0	7.0	7.0	*Đạt*
32	414	Nguyễn Thị	Hương	17/01/1977		Trường THCS Quảng Ninh	Quảng Xương	7.0	7.0	7.5	*Đạt*
33	415	Nghiêm Thị Kiều	Hương	12/03/1978		Trường THCS Quảng Thạch	Quảng Xương	8.0	7.0	8.0	*Đạt*
34	416	Trần Xuân	Hương	02/07/1972		Trường THCS Quảng Thái	Quảng Xương	7.0	7.0	8.5	*Đạt*
35	417	Hoàng Văn	Hữu	06/04/1978	Nam	Trường THCS Quảng Thái	Quảng Xương	7.5	7.0	7.5	*Đạt*
36	418	Nguyễn Thị	Lan	02/07/1980		Trường THCS Quảng Khê	Quảng Xương	6.5	7.0	8.0	*Đạt*
37	419	Nguyễn Thị	Lan	10/06/1975		Trường THCS Quảng Ngọc	Quảng Xương	8.0	7.0	7.5	*Đạt*
38	420	Đậu Thị	Liệu	06/10/1980		Trường THCS Quảng Hòa	Quảng Xương	8.0	8.0	8.0	*Đạt*
39	421	Lưu Thị	Lý	11/05/1976		Trường THCS Quảng Văn	Quảng Xương	8.0	8.0	8.0	*Đạt*
40	422	Phạm Thị	Mai	18/11/1981		Trường THCS Quảng Định	Quảng Xương	8.5	8.0	8.0	*Đạt*
41	423	Hoàng Thị	Nguyệt	15/09/1981		Trường THCS Quảng Giao	Quảng Xương	8.0	7.0	8.5	*Đạt*
42	424	Hoàng Như	Nguyệt	14/08/1983		Trường THCS Quảng Trạch	Quảng Xương	8.0	7.0	8.0	*Đạt*
43	425	Nguyễn Đức	Nhân	01/05/1980	Nam	Trường THCS Quảng Thái	Quảng Xương	8.0	7.0	7.5	*Đạt*
44	426	Bùi Thị	Nhung	02/06/1969		Trường THCS Quảng Lưu	Quảng Xương	7.5	7.0	8.0	*Đạt*
45	427	Hoàng Thị	Nhung	05/09/1980		Trường THCS Quảng Ninh	Quảng Xương	8.0	8.0	8.5	*Đạt*
46	428	Lê Thị	Nhung	27/07/1976		Trường THCS Quảng Phúc	Quảng Xương	8.0	7.0	7.5	*Đạt*
47	429	Nguyễn Thị	Ninh	28/10/1979		Trường THCS Quảng Ngọc	Quảng Xương	7.5	7.0	7.5	*Đạt*
48	430	Hoàng Thị	Nồng	16/01/1976		Trường THCS Quảng Nham	Quảng Xương	8.0	7.0	7.5	*Đạt*
49	431	Vũ Thị Lan	Oanh	11/07/1979		Trường THCS Quảng Thái	Quảng Xương	7.5	7.0	8.0	*Đạt*

TT	Số CC	Họ và tên		Ngày sinh	Giới	Đơn vị công tác		Kết quả điểm			Kết quả bồi dưỡng
								Kiến thức chung	Kiến thức ngành	Thu hoạch	
50	432	Nguyễn Thị Kim	Oanh	19/05/1981		Trường THCS Quảng Trạch	Quảng Xương	8.0	7.0	8.0	*Đạt*
51	433	Mai Thị	Quyên	21/01/1979		Trường THCS Quảng Ngọc	Quảng Xương	7.5	7.0	8.0	*Đạt*
52	434	Lê Văn	Tám	10/03/1980	Nam	Trường THCS Quảng Khê	Quảng Xương	8.0	7.0	7.5	*Đạt*
53	435	Thái Thị	Tâm	01/12/1976		Trường THCS Quảng Đức	Quảng Xương	7.5	7.0	8.0	*Đạt*
54	436	Lương Thị	Tâm	08/12/1981		Trường THCS Quảng Long	Quảng Xương	8.0	7.0	7.5	*Đạt*
55	437	Nguyễn Thị	Thắm	02/10/1979		Trường THCS Quảng Nham	Quảng Xương	7.5	7.0	7.5	*Đạt*
56	438	Đặng Thị Minh	Thanh	02/05/1979		Trường THCS Quảng Hải	Quảng Xương	7.5	7.0	7.0	*Đạt*
57	439	Đỗ Thị	Thanh	28/08/1980		Trường THCS Quảng Lợi	Quảng Xương	8.0	7.0	8.0	*Đạt*
58	440	Trương Thị	Thanh	12/01/1977		Trường THCS Quảng Thái	Quảng Xương	8.0	7.0	7.5	*Đạt*
59	441	Trần Thị	Thuận	07/05/1980		Trường THCS Quảng Lợi	Quảng Xương	7.5	7.0	7.5	*Đạt*
60	442	Trương Thị	Thúy	30/07/1976		Trường THCS Quảng Định	Quảng Xương	7.5	7.0	7.0	*Đạt*
61	443	Ngô Thị	Thủy	01/04/1978		Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc	Quảng Xương	8.0	7.0	7.0	*Đạt*
62	444	Trịnh Thị	Thủy	15/06/1979		Trường THCS Quảng Nhân	Quảng Xương	8.0	7.0	7.5	*Đạt*
63	445	Trần Thị	Trinh	14/07/1980		Trường THCS Quảng Ninh	Quảng Xương	8.0	8.0	8.0	*Đạt*
64	446	Trịnh Xuân	Trường	29/12/1977	Nam	Trường THCS Quảng Định	Quảng Xương	7.5	7.0	8.0	*Đạt*
65	447	Phạm Thị	Tuấn	08/09/1978		Trường THCS Quảng Hải	Quảng Xương	8.0	8.0	8.0	*Đạt*
66	448	Bùi Công	Tuấn	29/06/1966	Nam	Trường THCS Quảng Lợi	Quảng Xương	7.5	6.0	7.5	*Đạt*
67	449	Lê Thị	Tuyết	16/11/1981		Trường THCS Quảng Hòa	Quảng Xương	7.5	7.0	8.0	*Đạt*
68	450	Đỗ Thị	Vân	09/12/1978		Trường THCS Quảng Yên	Quảng Xương	7.5	7.0	8.0	*Đạt*
69	451	Ngô Thị	Xuân	16/11/1978		Trường THCS Quảng Lộc	Quảng Xương	8.0	8.0	7.5	*Đạt*
70	452	Nguyễn Thị	Xuân	08/06/1980		Trường THCS Quảng Phúc	Quảng Xương	8.0	7.0	7.5	*Đạt*
71	453	Nguyễn Thị	Yến	02/10/1976		Trường THCS Quảng Vọng	Quảng Xương	8.5	7.0	8.0	*Đạt*

(*Ấn định danh sách này gồm 71 học viên*)./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lê Văn Trưởng